***Ngày soạn: 14 /9/2022***

***Ngày dạy: 16/9/2024***

***Tiết 2-3.***

## BÀI 2. CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU CỦA KHOA HỌC TỰ NHIÊN

**I.** **MỤC TIÊU**:

***1.1. Năng lực khoa học tự nhiên***

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Trình bày được một số lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên.

- Tìm hiểu tự nhiên: Tìm hiểu các lĩnh vực của khoa học tự nhiên thông qua thực hiện và quan sát các thí nghiệm trong SGK.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Phân biệt được các lĩnh vực của khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.

***1.2 Năng lực chung:***

-Năng lực tự chủ và tự học: Thông qua việc HS chủ động thực hiện các nhiệm vụ tự tìm hiểu kiến thức từ SGK và các nguồn học liệu khác được GV giao và hướng dẫn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tương tác với các bạn và GV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

***2. Phẩm chất:***

- Chăm chỉ nghiên cứu SGK và các nguồn học liệu khác, biết lắng nghe chia sẻ, có trách nhiệm và chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 – Giáo Viên:** Tranh ảnh cho bài dạy, giáo án, máy chiếu (nếu có), bảng phụ.

**2 – Học Sinh** : Đồ dùng học tập; đồ vật, tranh ảnh GV yêu cầu

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

+ Gắn kết kiến thức, kĩ năng khoa học mà các em được học từ cấp tiểu học và từ cuộc sống với chủ đề bài học mới.

+ Kích thích cho HS suy nghĩ thông qua việc thể hiện bằng cách nêu một số ví dụ về chất, năng lượng, thực vật và động vật của thế giới tự nhiên.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu vấn đề: Nhận thức thế giới tự nhiên xung quanh luôn luôn là khát vọng, là nhu cầu của con người từ cổ xưa cho đến ngày nay. Những hiểu biết về thế giới tự nhiên sẽ giúp cho con người phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời đời sống về cả vật chất và tinh thần.

Thế giới tự nhiên xung quanh ta thật phong phú và da dạng, bao gồm các hiện tượng thiên nhiên, động vật, thực vật... và cả con người.

- GV đặt câu hỏi: *Em hãy lấy một số ví dụ về vật, thực vật và động vật trong thế giới tự nhiên?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi sau 3 phút suy nghĩ.

- GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên**

**a) Mục tiêu:** Phân biệt được các lĩnh vực của khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS quan sát hình 1.3 sgk và trả lời câu hỏi: *Hãy cho biết đối tượng nghiên cứu của từng lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên?*    - GV chia lớp thành các nhóm thực hiện nhiệm vụ: *Hãy lấy ví dụ về đối tượng nghiên cứu của các lĩnh vực khoa học tự nhiên, theo gợi ý trong bảng 1.2:*    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát hình ảnh, thảo luận cặp đôi, thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát và hỗ trợ HS (khi cần).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số cặp đôi trình bày kết quả thảo luận.  - GV gọi HS đánh giá kết quả của nhóm bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá kết luận. | **III. Các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên**  - Đối tượng nghiên cứu: *Sự vật, hiện tượng của thế giới tự nhiên và ảnh hưởng của thế giới tự nhiên đến con người.*  - Các lĩnh vực KHTN:  *+ Sinh hoạc nghiên cứu về sinh vật và sự sống trên Trái Đất.*  *+ Khoa học Trái Đất nghiên cứu về Trái Đất.*  *+ Vật lí nghiên cứu về vật chất, năng lượng và sự biến đổi của chúng trong tự nhiên.*  *+ Hóa học nghiên cứu về các chất và sự biến đổi các chất trong tự nhiên.* |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về vật sống và vật không sống**

**a) Mục tiêu:** Phân biệt được vật sống và vật không sống trong khoa học tự nhiên.

**b) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  ***Nhiệm vụ 1:*** GV cho HS quan sát hình 1.4 và yêu cầu HS thảo luận, trả lời câu hỏi: *Nêu tên những vật sống, vật không sống trong hình trên?*  ***Nhiệm vụ 2:***  - GV yêu cầu HS lấy một số ví dụ về vật sống và vật không sống.  - GV cho HS quan sát hình 1.5, trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu những đặc điểm giúp em nhận biết vật sống?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát hình ảnh, thảo luận cặp đôi, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát và hỗ trợ HS (khi cần).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số cặp đôi trình bày kết quả thảo luận  - GV gọi HS đánh giá kết quả thảo luận của các bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức cần ghi nhớ. | **IV. Vật sống và vật không sống**  Quan sát hình 1.4 ta thấy:  *+ Vật sống: con cá, con chim, mầm cây, con sứa*  *+ Vật không sống: xe đạp, cái cốc, đôi giày.*  => Vật sống mang những đặc điểm của sự sống, vật không sống không mang những đặc điểm của vật sống.  - Đặc điểm của vật sống:  *+ Thu nhận chất dinh dưỡng cần thiết từ môi trường.*  *+ Thải bỏ chất thải (khí oxi, phân…)*  *+ Biết vận động*  *+ Lớn lên và tăng trưởng*  *+ Có khả năng sinh sản*  *+ Cảm ứng*  *+ Chết đi* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức mới vừa học.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra phiếu học tập, yêu cầu HS chia nhóm, thảo luận, đưa ra câu trả lời

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP**  **Lập bảng sự khác biệt giữa vật sống và vật không sống thao bảng mẫu:**   |  |  | | --- | --- | | **Vật sống** | **Vật không sống** | | Sinh vật mang những đặc điểm của sự sống. | Vật không mang những đặc điểm của sự sống. | | ..... | ...... | |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, hình thành nhóm, phân công nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.

- GV thu phiếu học tập từ các nhóm, gọi 1 số nhóm báo cáo kết quả thực hiện, đại diện nhóm đứng dậy trình bày:

|  |  |
| --- | --- |
| Vật sống | Vật không sống |
| Sinh vật mang những đặc điểm của sự sống. | Vật không mang những đặc điểm của sự sống. |
| Các sinh vật có khả năng sinh sản | Vật không có khả năng sinh sản |
| Để sinh tồn, các sinh vật phụ thuộc vào nước, không khí và thức ăn | Không cần yêu cầu như vậy |
| Nhạy cảm và phản ứng nhanh với các kích thích | Không nhạy cảm và không phản ứng |
| Cơ thể trải qua quá trình sinh trưởng và phát triển | Không sin trưởng và phát triển |
| Sống đến tuổi thọ nhất định sẽ bị chết | Không có khái niệm tuổi thọ |
| Có thể di chuyển | Không thể tự di chuyển |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học, biết áp dụng vào cuộc sống.

**b) Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi:*Sau khi học xong bài học, vậy theo các em, chiếc xe máy nhận xăng, thải khói và chuyển động. Vậy xe máy có phải là vật sống không?*

- HS suy nghĩ, xung phong trả lời câu hỏi: *Chiếc xe máy không phải là vật sống vì xe máy không có những đặc điểm sau: sinh sản, cảm ứng và lớn lên và chết.*

- GV nhận xét, đánh quá quá trình học tập của HS, chốt lại kiến thức bài học.

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

***1.Bài vừa học:***

***-*** Học bài trong vở ghi.

- Trả lời các câu hỏi sgk

***2Bài sắp học: Qui định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo – Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.***

* Tìm hiểu qui định an toàn khi học trong phòng thực hành.
* Tìm hiểu kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.
* Tìm hiểu giới thiệu 1 số dụng cụ đo.
* Tìm hiểu kính lúp và kính hiển vi quang học.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lãnh đạo kí duyệt | | C:\Users\DELL\Desktop\0aa2bdae-3f30-46fd-85ff-7bae0e941e31.png |
|  |  |
| Nguyễn Thị Ngọc Hân | Nguyễn Khắc Thành |